

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2021/DS-PT
Ngày 28 – 5 – 2021
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 596/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 736/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Xuân B, sinh năm 1956, (*vắng mặt*);

Người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Xuân B (theo Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2018): Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; cùng địa chỉ: Ấp TTGA, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh, (*có mặt*).

- Bị đơn:

1. Bà Bùi Mỹ Ng, sinh năm 1946, (*xin vắng mặt*);

2. Ông Bùi Xuân H1, sinh năm 1960, (*có mặt*);

Cùng địa chỉ: Số 24, đường PHT, Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Bùi Hữu Ng1, sinh năm 1970, (vắng mặt);

4. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1935, (vắng mặt);

Bà Nguyễn Thị K ủy quyền đại diện tham gia thủ tục tố tụng cho ông Bùi Hữu Ng1.

5. Bà Bùi Phương D, sinh năm 1965, (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 24A, đường PHT, Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

6. Ông Bùi Xuân Ph, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 36, đường PHT, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Ngọc A, sinh năm 1941; địa chỉ: Ấp SX, xã HH, huyện CN, tỉnh Trà Vinh, (xin vắng mặt).

2. Bà Bùi Ngọc D1, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 20/2, đường HĐV, Phường 1, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long, (vắng mặt).

3. Ông Bùi Đăng Kh, sinh 1970; địa chỉ: Số 9J, Khu phố 5, cư xá NH, đường TXS, phường TTT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

4. Ông Bùi Xuân H2, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 24, đường PHT, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, (vắng mặt).

5. Ông Bùi Ngọc Th, sinh năm 1947; địa chỉ: 6578 NW 24th - CT M.G.FLO - 33063 USA, (vắng mặt).

6. Bà Bùi Phương Kh1, sinh năm 1953; địa chỉ: 6578 NW 24th - CT M.G.FLO - 33063 USA, (xin vắng mặt).

7. Bà Bùi Phương Tr, sinh năm 1970; địa chỉ: 6578 NW 24th - CT M.G.FLO - 33063 USA, (xin vắng mặt).

8. Ông Bùi Xuân Kh2, sinh năm 1963; địa chỉ: A.Shi- Shi 4024 MI – C.S. - 1261 -1 - 2 – 402 Japan, (xin vắng mặt).

9. Bà Bùi Hồng H3, sinh năm 1977, (vắng mặt);

10. Ông Bùi Hồng Ch, sinh năm 1979, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà H3 và ông Ch (theo các Giấy ủy quyền ngày 21/5/2021 và ngày 27/5/2021): Bà Thái Thị M; cùng địa chỉ: Ấp 9, xã ATA, huyện CL, tỉnh Trà Vinh, (có mặt).

11. Bà Bùi Hồng H4, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp 9, xã ATA, huyện CL, tỉnh Trà Vinh, (vắng mặt).

10. Ông Bùi Hải H5, sinh năm 1951; địa chỉ hiện tại: 10827 W.C.W B. RATON, FL 33428 USA (Hoa Kỳ), (*vắng mặt*).

11. Ông Bùi Xuân Tr1, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp 7, xã AT, huyện CL, tỉnh Trà Vinh, (*có mặt*).

12. Ông Huỳnh H6, sinh năm 1970, (*vắng mặt*);

13. Ông Huỳnh Huệ Ph1, sinh năm 1985, (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: Số 24A, đường PHT, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

14. Bà Trần Ngọc H7, sinh năm 1963, (*vắng mặt*);

15. Ông Bùi Xuân S, sinh năm 1990, (*vắng mặt*);

16. Bà Trần Hoàng Phương Th1, sinh năm 1987, (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: Số 36, đường PHT, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S và bà Th1 (theo các Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2018 và ngày 18/01/2018): Ông Bùi Xuân Ph, sinh năm 1958, địa chỉ: Số 36, đường PHT, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, (có mặt).

17. Bà Vũ Thị Th2, sinh năm 1965, (*vắng mặt*);

18. Ông Bùi Tiến L, sinh năm 1987, (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: Số 24, đường PHT, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

19. Bà Thạch Thị Sa H8, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 24, đường PHT, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, (*vắng mặt*).

20. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1928, (*chết ngày 09/9/2016*);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị C:

1. Ông Bùi Xuân H1, sinh năm 1960, (*có mặt*);

2. Bà Bùi Phương D, sinh năm 1965, (*có mặt*);

Cùng địa chỉ: Số 24, đường PHT, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Bùi Xuân H2, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 24, đường PHT, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, (*vắng mặt*).

4. Ông Bùi Ngọc Th, sinh năm 1947; địa chỉ: 6578 NW 24th - CT M.G.FLO - 33063 USA, (*vắng mặt*).

5. Bà Bùi Phương Kh1, sinh năm 1953; địa chỉ: 6578 NW 24th - CT M.G.FLO - 33063 USA, (*xin vắng mặt*).

6. Bà Bùi Phương Tr, sinh năm 1970; địa chỉ: 6578 NW 24th - CT M.G.FLO - 33063 USA, *(xin vắng mặt)*.

7. Ông Bùi Xuân Kh2, sinh năm 1963; địa chỉ: Aka Shi- Shi 4024 MI - CHO Slimizu - 1261 -1 - 2 – 402 Japan, *(xin vắng mặt)*.

9. Ông Bùi Hải H5, sinh năm 1951; địa chỉ: 10827 WINDING CREEK WAY BOCA RATON, FL 33428 USA, *(vắng mặt)*.

10. Ông Bùi Xuân Tr1, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp 7, xã AT, huyện CL, tỉnh Trà Vinh, *(có mặt)*.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Bùi Xuân B; bị đơn bà Bùi Mỹ Ng, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Phương D, ông Bùi Xuân Ph; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc A, bà Bùi Ngọc D1 và ông Bùi Xuân Tr1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2007 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/4/2016 của nguyên đơn ông Bùi Xuân B và trong suốt quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp cho ông Bùi Xuân B là bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Cha ông Bùi Xuân B là cụ Bùi Xuân Tr2 có hai người vợ cũng là hai chị em ruột với nhau là cụ Phạm Thị M1 và cụ Phạm Thị C. Cụ M1 có 07 người con gồm: Bùi Ngọc A, Bùi Hữu T (chết) có vợ là bà Phạm Thị G, con là Bùi Đăng Kh3; Bùi Mỹ Ng; Bùi Hữu D2 (chết) có vợ là bà Nguyễn Thị K và con là Bùi Hữu Ng1; Bùi Ngọc D1; Bùi Xuân B; Bùi Xuân Ph.

Cụ Phạm Thị C có 10 người con: Bùi Ngọc Th, Bùi Hải H5, Bùi Phương Kh1, Bùi Xuân Tr1, Bùi Xuân H1, Bùi Xuân Kh2, Bùi Phương D, Bùi Phương Tr, Bùi Xuân H2, Bùi Hồng H9 (chết) có vợ là Thái Thị M và 03 người con: Bùi Hồng H3, Bùi Hồng Ch và Bùi Hồng H4.

Tài sản chung của 03 cụ để lại là căn nhà tường xây dựng cơ bản trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh và thửa đất số 25 do ông Bùi Xuân Ph đang sử dụng. Cụ Bùi Xuân Tr2 mất ngày 25/9/1991. Cụ Phạm Thị M1 mất ngày 11/10/1999. Cụ Phạm Thị C mất năm 2016, các cụ chết không để lại di chúc. Hiện nay trên phần đất có các căn nhà của ông Bùi Xuân H1, Bùi Xuân Ph, Bùi Phương D, bà Nguyễn Thị K và ông Bùi Hữu Ng1. Nay ông Bùi Xuân B yêu cầu chia thừa kế căn nhà thờ số 24 và toàn bộ diện tích đất tại hai thửa 24 và 25, yêu cầu được hưởng một suất thừa kế giá trị bằng tiền theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn bà Bùi Mỹ Ng trình bày:* bà Ng cũng thống nhất với ông Bùi Xuân B về các hàng thừa kế và tài sản yêu cầu chia thừa kế, thống nhất yêu cầu chia thừa kế như nguyên đơn ông Bùi Xuân B trình bày. Bà Ng cũng yêu cầu được

hưởng một suất thừa kế do cha mẹ là cụ Tr2 và Cụ M1 để lại với giá trị bằng tiền theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn ông Bùi Xuân Ph trình bày:* ông thống nhất với nguyên đơn về các hàng thừa kế. Đối với nhà và đất tại thửa 24 và thửa số 25 đường PHT, Phường 3, thành phố TV là của cha mẹ để lại, nhưng khi mẹ ruột là cụ Phạm Thị M1 còn sống có cho ông cất căn nhà để ra riêng ở diện tích là 30m² có làm văn bản ủy quyền vào năm 1994, sau đó ông đã kê khai tách thửa thành thửa 25 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng ông có đóng thuế cho Nhà nước hàng năm và ông đã cất nhà tường cơ bản ở từ năm 1996 cho đến nay, do hiện nay ông chỉ sử dụng 27m² nên ông yêu cầu được hưởng đủ 30m² như đúng nội dung đã được Cụ M1 ủy quyền theo sự đồng thuận của các thừa kế là bà A, bà Ng, bà D, ông B. Đối với căn nhà mà ông H1; bà D; ông Ng1 và bà K đang sử dụng thì ông không yêu cầu chia giá trị nhà, ông chỉ yêu cầu được hưởng một suất thừa kế giá trị bằng tiền đối với căn nhà số 24, đối với phần đất tại thửa số 24 ông yêu cầu được hưởng một suất thừa kế bằng hiện vật.

- *Bị đơn ông Bùi Xuân H1 trình bày:* ông được cha mẹ cho diện tích đất 29,1m² vào năm 1980, hiện nay ông đang cất nhà ở nên ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng. Ông cũng thống nhất nhà số 24 và thửa đất số 24, 25 tọa lạc tại số 24 PHT, Phường 3, thành phố TV là tài sản của cha mẹ để lại, phần nhà đất để lại làm nhà thờ chung. Đối với phần đất mà ông, ông Bùi Xuân Ph, bà Nguyễn Thị K, bà Bùi Phương D đang sử dụng là của cha mẹ cho nên không đồng ý nhập vào để chia thừa kế. Phần di sản do cụ C để lại ông không yêu cầu chia, yêu cầu giữ lại phần của cụ C để làm nơi thờ cúng ông bà. Nếu ông B yêu cầu chia thừa kế thì ông cũng yêu cầu được hưởng một suất thừa kế của cụ Tr2 để lại bằng hiện vật.

- *Bị đơn bà Bùi Phương D trình bày:* khi Cụ M1 còn sống có cho bà phần đất diện tích 38m², hiện bà cất nhà ở có diện tích 20,5m² nên bà yêu cầu được sử dụng đủ 38m² đất đã được Cụ M1 cho. Đối với thửa đất số 25 mà ông Ph đang sử dụng, phần đất do bà K, ông H1 và bà đang sử dụng đã được cha mẹ cho riêng nên bà không đồng ý nhập vào khối tài sản chung để chia thừa kế. Đối với di sản do cụ C để lại không yêu cầu chia để làm nơi thờ cúng ông bà. Nếu ông Bùi Xuân B yêu cầu chia thừa kế nhà và đất tọa lạc tại số 24 PHT, Phường 3, thành phố TV thì bà cũng yêu cầu được hưởng một suất thừa kế bằng hiện vật (bằng đất).

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị K, con là ông Bùi Hữu Ng1 trình bày:* Bà là vợ ông Bùi Hữu D2, khi chồng bà mất bà sống chung tại thửa 24 và được cha mẹ cho cất một căn nhà lá trên thửa đất số 24 từ trước năm 1975 cho đến nay, nay bà và con là ông Ng1 yêu cầu được tiếp tục được sử dụng phần đất như đã được cha

mẹ cho, còn căn nhà là tài sản của bà và ông Ng1. Bà K và ông Ng1 cũng yêu cầu được hưởng một suất thừa kế theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân Tr1 trình bày:* Nhà số 24 và thửa đất 24, 25 tọa lạc tại số 24 PHT, Phường 3, thành phố TV là tài sản của cha mẹ ông bà để lại, ông yêu cầu được hưởng một suất thừa kế bằng hiện vật, còn phần thừa kế của cụ C để lại cho anh em cùng hưởng để làm nơi thờ cúng ông bà; đối với phần đất của ông Ph đang sử dụng yêu cầu hủy tách thửa số 25 để nhập vào khối tài sản chung để chia. Đối với nhà, đất của bà D, ông H1, bà K, ông Ng1 được cha mẹ cho nên không yêu cầu chia.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị M, ông Bùi Hồng Ch trình bày:* Nhà số 24 và thửa đất 24, 25 tọa lạc tại số 24 PHT, Phường 3, thành phố TV là tài sản của cha mẹ để lại, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho các thừa kế của ông Bùi Hồng H9 được hưởng một suất thừa kế bằng hiện vật. Đối với phần di sản do cụ C để lại bà M và ông Ch đồng ý để cho các đồng thừa kế cùng sở hữu. Đối với nhà, đất của ông H1, bà D, bà K và ông Ng1 đang sử dụng không yêu cầu nhập vào để chia thừa kế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Hồng H3 và bà Bùi Hồng H4 vắng mặt nên không có lời trình bày.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc A và Bùi Ngọc D1 cùng có lời trình bày:* Nhà số 24 và thửa đất 24, 25 tọa lạc tại số 24 PHT, Phường 3, thành phố TV là di sản của cha mẹ để lại. Nếu ông Bùi Xuân B yêu cầu chia thừa kế thì hai bà cũng xin hưởng một suất thừa kế của cụ Tr2 và Cụ M1 để lại bằng giá trị theo qui định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G và ông Bùi Đăng Kh (thừa kế thế vị của ông Bùi Hữu T) cũng có ý kiến cho rằng yêu cầu chia thừa kế là phù hợp nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc Th trình bày:* Nhà số 24 và thửa đất 24, 25 tọa lạc tại số 24 PHT, Phường 3, thành phố TV là di sản của cha mẹ để lại. Đối với phần đất mà ông Bùi Xuân Ph, bà Bùi Phương D và ông Bùi Xuân H1 đang sử dụng là được cha mẹ cho. Phần di sản do cụ Tr2 để lại ông cũng xin hưởng một suất thừa kế theo quy định của pháp luật nhưng do ông đang ở Hoa Kỳ nên ông để lại suất thừa kế của ông cho ông Bùi Xuân H1 thay ông quản lý. Phần di sản do cụ Phạm Thị C để lại ông không yêu cầu chia thừa kế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Bùi Phương Kh1, bà Bùi Phương Tr cùng có ý kiến trình bày:* Nhà số 24 và thửa đất 24, 25 tọa lạc tại số

24 PHT, Phường 3, thành phố TV là di sản của cha mẹ để lại. Đối với phần đất mà ông Bùi Xuân Ph, bà Bùi Phương D và ông Bùi Xuân H1 đang sử dụng là được cha mẹ cho. Nếu ông B yêu cầu chia thừa kế thì hai bà cũng xin nhận một suất thừa kế bằng hiện vật đối với phần di sản thừa kế do cụ Tr2 và cụ C để lại hai bà giao cho ông Bùi Xuân H2 thay 02 bà quản lý và gìn giữ phần tài sản này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân H2 trình bày:* ông không có gia đình riêng, chỗ ở duy nhất của ông hiện nay là căn nhà thờ số 24, nếu yêu cầu hưởng một suất thừa kế theo quy định của pháp luật thì ông cũng yêu cầu được hưởng một suất thừa kế do cụ Tr2 để lại bằng hiện vật gắn liền với căn nhà để nhập vào phần diện tích đất của các anh em ông và phần di sản của cụ C để lại để giữ lại căn nhà số 24 làm chỗ ở.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc H7, ông Bùi Xuân S* cùng có ý kiến như ông Bùi Xuân Ph.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Hoàng Phương Th1 trình bày:* bà là vợ của ông Bùi Xuân S. Bà thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của ông Bùi Xuân Ph, trong vụ án này bà không có yêu cầu gì thống nhất ủy quyền lại cho ông Bùi Xuân Ph được toàn quyền thay mặt bà quyết định mọi vấn đề trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Th2, anh Bùi Tiến L có ý trình bày kiến như ông Bùi Xuân H1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm (lần 1) số 11/2008/DSST ngày 09/9/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của ông Bùi Xuân B.

Xác định tài sản gồm: căn nhà lớn và thửa đất 24, thửa đất số 25 diện tích chung là 392,2m² là một phần di sản của cụ Bùi Xuân Tr2 và cụ Phạm Thị M1 để lại.

Công nhận diện tích đất 28,1m² thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 5 và căn nhà số 24B ông Ph cất trên thửa 25, tọa lạc tại Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Bùi Xuân Ph.

Công nhận diện tích 21,7m² được tách ra từ thửa 24, tờ bản đồ số 5 và căn nhà số 24A do bà D cất trên phần đất, tọa lạc tại Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Bùi Phương D. Diện tích 21,7m² của bà D có vị trí, tứ cận: Đông giáp thửa 28, có số đo 6,0m; Tây giáp phần còn lại thửa 24, có số đo 5,0m; Nam giáp đường PHT, có số đo 4,0m; Bắc giáp thửa 27, có số đo 3,90m

Giao cho Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh kê biên phát mãi bán đấu giá căn nhà tường số 24 của cụ Bùi Xuân Tr2, cụ Phạm Thị M1, cụ Phạm Thị C cùng diện tích đất còn lại thuộc thửa 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh sau khi được khấu trừ chi phí bán đấu giá để chia giá trị cho các đồng thừa kế như sau:

- Chia cho cụ Phạm Thị C giá trị tiền tương đương diện tích đất 137,6m².

- Chia cho ông Bùi Ngọc Th, Ông Bùi Hồng H9 (ông H9 chết có các đại diện thừa kế là Thái Thị M, Bùi Hồng H3, Bùi Hồng Ch và Bùi Hồng H4), ông Bùi Hải H5, bà Bùi Phương Kh1, ông Bùi Xuân Tr1, ông Bùi Xuân H1, ông Bùi Xuân Kh2, ông Bùi Xuân H2 và bà Bùi Phương Tr mỗi người một suất thừa kế giá trị tiền tương đương diện tích đất 6,88m².

- Giao toàn bộ số tiền bán căn nhà cho ông Bùi Xuân H1 quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng cụ Bùi Xuân Tr2.

Buộc hộ bà Nguyễn Thị K, bà Bùi Mỹ Ng và hộ ông Bùi Xuân H1 phải di dời tài sản riêng thuộc sở hữu của mình ra khỏi nhà, đất tại số 24 để giao cho cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh kê biên, bán đấu giá.

Đề nghị Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của bản án này khi đương sự có đơn yêu cầu.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm (lần 1) số 466/2008/DSPT ngày 28/11/2008, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 11/2008/DSST ngày 01/9/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã xử về vụ án “Tranh chấp thừa kế” giữa nguyên đơn ông Bùi Xuân B và các bị đơn bà Bùi Mỹ Ng, bà Nguyễn Thị K, ông Bùi Hữu Ng1, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Phương D và ông Bùi Xuân Ph cùng một số người có quyền và nghĩa vụ liên quan, giao cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm (lần 2) số 06/2012/DSST ngày 24/9/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu chia thừa kế của ông Bùi Xuân B.

Xác định di sản thừa kế gồm: căn nhà số 24 và đất thửa 24, 25 diện tích 386,4m² tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại đường PHT, Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh là một phần di sản của cụ Bùi Xuân Tr2 và cụ Phạm Thị M1 để lại.

Công nhận diện tích đất 27m² thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 5 và căn nhà số 24B do vợ chồng ông Bùi Xuân Ph cất trên thửa 25, tọa lạc tại Khóm 3, Phường

3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sở hữu và sử dụng của hộ ông Bùi Xuân Ph.

Công nhận diện tích $21,7m^2$ được tách ra từ thửa 24, tờ bản đồ số 5 và căn nhà số 24A do vợ chồng bà Bùi Phương D cất trên phần đất tọa lạc tại Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sở hữu và sử dụng của hộ bà Bùi Phương D.

Cụ Phạm Thị C (trừ ông H1 và bà D) được quyền sử dụng phần đất có diện tích $309,102m^2$ thửa 24 và căn nhà số 24 (trong đó: phần của cụ C là $135,578m^2$ và mỗi con của cụ C là $6,778m^2$: $8 = 54,224m^2$) cụ C có nghĩa vụ hoàn thối lại cho 6 người con của cụ Phạm Thị M1 gồm: Bùi Xuân B, Bùi Mỹ Ng, Bùi Ngọc Anh, Bùi Ngọc D1, Bùi Hữu T (ông T chết có thừa kế là bà Phạm Thị G, ông Bùi Đăng Kh), ông Bùi Hữu D2 (ông D1 chết có thừa kế là bà Nguyễn Thị K, ông Bùi Hữu Ng1) mỗi người là 298.250.000 đồng (giá trị đất) và 5.833.381 đồng (giá trị nhà và ông Ph 5.833.381 đồng (giá trị căn nhà 24).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Xuân H1 được hưởng phần đất $29,1m^2$ nằm chiết thửa 24.

Công nhận cho ông Bùi Xuân H1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích $29,1m^2 - 6,778m^2$ (phần thừa kế của cụ Tr2) = $22,322m^2$.

Như vậy ông H1 có nghĩa vụ hoàn thối lại $22,322m^2$ cho 06 thừa kế của bà Mãnh (trừ ông Ph), mỗi người là 55.805.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị K và anh Bùi Hữu Ng1 có nghĩa vụ tháo dỡ căn nhà có diện tích $30,6m^2$ tại thửa 24, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại Khóm 3, Phường 3, thành phố TV để giao đất cho cụ C và 08 người con của cụ C (trừ bà D, ông H1). Ông Ph được sử dụng $13m^2$, bà D được sử dụng $11,3m^2$, bà Cam và 08 người con (trừ bà D, ông H1) được sử dụng $23,6m^2$ vỉa hè trước cửa nhà mình được chia (có sơ đồ khu nhà đất và kèm theo Công văn số 112/VPĐKQSDĐ ngày 22/10/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên-môi trường tỉnh Trà Vinh và là bộ phận không thể tách rời của bản án này).

Tại Bản án phúc thẩm (lần 2) số 48/2015/DS-PT ngày 25/3/2015, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ chí Minh đã quyết định:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm (lần 2) số 06/2012/DSST ngày 24 tháng 9 năm 2012, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 16/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của ông Bùi Xuân B.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bùi Xuân Tr2, cụ Phạm Thị M1 gồm có: cụ Phạm Thị C, Bùi Ngọc A, Bùi Hữu T (chết) có thừa kế thế vị con là Bùi Đăng Kh; bà Bùi Mỹ Ng, ông Bùi Hữu D2 (chết) có thừa kế thế vị con là Bùi Hữu Ng1, bà Bùi Ngọc D1, ông Bùi Xuân B, ông Bùi Xuân Ph; ông Bùi Ngọc Th, ông Bùi Hồng H9 (chết) có 03 người con thừa kế thế vị: bà Bùi Hồng H3, ông Bùi Hồng Ch và bà Bùi Hồng H4; ông Bùi Hải H5, bà Bùi Phương Kh1, ông Bùi Xuân Tr1, ông Bùi Xuân H1, ông Bùi Xuân Kh2, bà Bùi Phương D, bà Bùi Phương Tr, ông Bùi Xuân H2.

3. Xác định di sản thừa kế gồm: Căn nhà số 24 gắn liền diện tích đất 297,2 m² thuộc tờ bản đồ số 5, đường PHT, Khóm 3, Phường 3, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là di sản thừa kế của cụ Bùi Xuân Tr2, cụ Phạm Thị M1 và cụ Phạm Thị C để lại.

4. Công nhận diện tích đất 40m² (trong đó có 14m² thuộc HLATĐB) thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 5 và căn nhà số 36 (24B cũ) do vợ chồng ông Bùi Xuân Ph cất trên thửa 25, tọa lạc tại Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ ông Bùi Xuân Ph.

5. Công nhận diện tích 31,8m² (trong đó có 11,3m² thuộc HLATĐB) được chiết ra từ thửa 24, tờ bản đồ số 5 và căn nhà 24A do vợ chồng bà Bùi Phương D cất trên phần đất tọa lạc tại Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ bà D.

6. Công nhận diện tích đất 30,6m² thuộc một phần thửa 24, tờ bản đồ số 5 do bà Nguyễn Thị K và anh Bùi Hữu Ng1 cất nhà trên thửa 24, tọa lạc tại khóm 3, phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ bà Nguyễn Thị K. Hộ bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng diện tích hẻm 19,7m² (trong đó có 3,6m² thuộc HLATĐB) để làm lối đi ra đường PHT.

7. Công nhận cho ông Bùi Xuân H1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 29,1m² được chiết ra từ thửa 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, trên đất có căn nhà của ông Bùi Xuân H1 thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ ông Bùi Xuân H1.

8. Ông Bùi Xuân H1 được quyền sử dụng căn nhà số 24 gắn liền với diện tích đất 277,5m² thuộc thửa đất số 24 và căn nhà số 24 đường PHT, Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh

(Vị trí kích thước của các diện tích đất nêu trên xem sơ đồ khu đất theo hiện trạng kèm theo công văn số 498/VPĐK ĐĐ- KT-D-C ngày 08/12/2016 của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh).

9. Ông Bùi Xuân H1 có nghĩa vụ thanh toán giá trị nhà, đất thừa kế cho bà Bùi Ngọc A, bà Bùi Mỹ Ng, ông Bùi Đăng Kh (thừa kế thế vị của ông Bùi Hữu T), bà Bùi Ngọc D1, ông Bùi Xuân B, ông Bùi Xuân Ph người mỗi người bằng 336.387.671 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một đồng). Bùi Hữu Ng1 (thừa kế thế vị của Bùi Hữu D2) 11.337.671 đồng (mười một triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một đồng).

Bà Bùi Hồng H3, ông Bùi Hồng Ch, bà Bùi Hồng H4 (thừa kế thế vị của Bùi Hồng H9); ông Bùi Xuân Tr1; bà Bùi Phương D mỗi phần bằng 88.544.399 đồng (tám mươi tám triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi chín đồng); ông Bùi Xuân Ho2 265.633.197 đồng (hai trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn một trăm chín mươi bảy đồng).

Trường hợp ông Bùi Xuân H1 không có khả năng hoàn lại số tiền cho các thừa kế thì các đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi diện tích đất 277,5m² và căn nhà số 24, đường PHT, Khóm 3, Phường 3, thành phố TV để thi hành án. Sau khi thanh toán các phần tiền nêu trên, số tiền còn lại ông H1 được tiếp tục quản lý, các thừa kế của cụ C có yêu cầu chia thừa kế phần thừa kế thì được giải quyết bằng vụ án khác.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo nội dung của bản án này.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/5/2018, các đương sự là ông Bùi Xuân B, bà Bùi Mỹ Ng, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Phương D, ông Bùi Xuân Ph, bà Bùi Ngọc A, bà Bùi Ngọc D1 và ông Bùi Xuân Tr1 có đơn kháng cáo, trong đó:

+ Nguyên đơn ông Bùi Xuân B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng, xác định các diện tích đất mà Tòa án cấp sơ thẩm công nhận cho hộ ông Bùi Xuân Ph, hộ bà Bùi Phương D, hộ bà Nguyễn Thị K, hộ ông Bùi Hữu Ng1 và hộ ông Bùi Xuân H1 là nằm trong khối di sản thừa kế của cụ Bùi Xuân Tr2, cụ Phạm Thị M1, cụ Phạm Thị C và toàn bộ khối di sản này phải được chia đều cho các đồng thừa kế. Ông Bùi Xuân H1 được hưởng toàn bộ nhà và đất là di sản thừa kế của cha, mẹ để lại thì ông H1 phải có trách nhiệm thanh toán lại cho ông số tiền được thừa kế theo quy định pháp luật. Nếu ông Bùi Xuân H1 không có tiền để thanh toán cho các đồng thừa kế khác thì cơ quan thi hành án sẽ phát mãi đối với di sản thừa kế này để bán và chia đều

cho các đồng thừa kế đối với giá trị của toàn bộ di sản khi bán được; không căn cứ vào số tiền mà bản án sơ thẩm đã tuyên 336.387.671 đồng.

+ Bị đơn bà Bùi Mỹ Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Ngọc A và bà Bùi Ngọc D1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tương tự nội dung như ông Bùi Xuân B kháng cáo nêu trên.

+ Bị đơn ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Phương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân Tr1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

+ Bị đơn ông Bùi Xuân Ph kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng công nhận diện tích đất 44m², thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh cho hộ Bùi Xuân Ph và xin nhận một suất thừa kế di sản của cha mẹ để lại bằng hiện vật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo gồm bị đơn ông Bùi Xuân Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc D1 vắng mặt không lý do.

Người kháng cáo gồm bị đơn bà Bùi Mỹ Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Ngọc A có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo là nguyên đơn ông Bùi Xuân B, có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị H tham gia phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng, xác định các diện tích đất mà Tòa án cấp sơ thẩm công nhận cho hộ ông Ph, hộ bà D, hộ bà K, hộ ông Ng1 và hộ ông H1 là di sản của cụ Tr2, Cụ M1 và cụ C. Vì vậy, di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Tr2, Cụ M1 và cụ C chết để lại là 430,2m² thuộc tờ bản đồ số 5, đường PHT, Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành các thủ tục định giá lại theo giá thị trường hiện nay và chia đều cho 17 người con của cụ Tr2, Cụ M1 và cụ C đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định.

Người kháng cáo gồm bị đơn ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Phương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân Tr1 trình bày, vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại với lý do: Theo Bản trích lục bộ khai sanh án thế vì khai sinh Tòa sơ thẩm Vĩnh Bình ngày 14/4/1972, do ông Bùi Xuân H1 mới tìm được và cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm, thì ông Bùi Hữu Ng1 có cha là ông Bùi Hải H5 và mẹ là bà Lê Thị T1. Do đó, ông Bùi Hữu Ng1 không được hưởng thừa kế thế vị kỷ phần của ông Bùi Hữu D2 vì ông Ng1 không phải là con ông D2.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, cùng Hội đồng xét xử đã tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tổ tụng tại phiên tòa phúc thẩm chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Xuân B; bị đơn ông Bùi Xuân Ph, bà Bùi Mỹ Ng, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Phương D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc A, bà Bùi Ngọc D1 và ông Bùi Xuân Tr1:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo gồm bị đơn ông Bùi Xuân Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, thuộc trường hợp coi như từ bỏ kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các đương sự này theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với kháng cáo của các đương sự còn lại đều hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tuy nhiên, bị đơn ông Bùi Xuân H1 mới cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm Bản trích lục bộ khai sinh án thế vì khai sinh Tòa sơ thẩm Vĩnh Bình ngày 14/4/1972 có nội dung thể hiện, ông Bùi Hữu Ng1 có cha là ông Bùi Hải H5 và mẹ là bà Lê Thị T1. Trong khi Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông Bùi Hữu Ng1 là con của ông Bùi Hữu D2 và đã quyết định cho ông Ng1 được hưởng thừa kế thế vị kỹ phần của ông D2. Do đây là tình tiết mới Tòa án cần phải xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ để có cơ sở đảm bảo cho việc giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Bùi Xuân Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc D1 nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Xuân Ph và bà Bùi Ngọc D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không lý do nên thuộc trường hợp coi như từ bỏ kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Ph

và bà D theo quy định tại khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Bùi Mỹ Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc A nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Mỹ Ng và bà Bùi Ngọc A có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà Ng và bà A theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Xuân B; bị đơn ông Bùi Xuân H1 và bà Bùi Phương D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân Tr1 nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Xét kháng của các đương sự ông Bùi Xuân B, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Phương D, ông Bùi Xuân Tr1, bà Bùi Mỹ Ng và bà Bùi Ngọc A, như sau:

[4.1] Trong vụ án này, các đương sự tranh chấp thừa kế tài sản của cụ Bùi Xuân Tr2 chết ngày 25/9/1991, cụ Phạm Thị M1 chết ngày 11/10/1999 và cụ Phạm Thị C chết ngày 09/9/2016 để lại là căn nhà số 24 gắn liền diện tích đất thuộc tờ bản đồ số 5, đường PHT, Khóm 3, Phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

[4.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hàng thừa kế di sản của cụ Tr2, Cụ M1 và cụ C như sau:

[4.2a] Cụ Bùi Xuân Tr2 và cụ Phạm Thị M1 có 07 người con chung, trong đó có ông Bùi Hữu D2 (chết tháng 7/1970) có 01 người con thừa kế thế vị là ông Bùi Hữu Ng1.

[4.2b] Cụ Bùi Xuân Tr2 và cụ Phạm Thị C có 10 người con chung, trong đó có ông Bùi Hải H5, sinh năm 1951; hiện nay ông Hội đang sinh sống tại Hoa Kỳ.

[4.3] Về việc chia di sản thừa kế của cụ Tr2, Cụ M1 và cụ C:

Theo hàng thừa kế đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định như trên thì ông Bùi Hữu Ng1 là con duy nhất của ông Bùi Hữu D2 (chết tháng 7/1970) nên ông Ng1 được thừa kế thế vị kỷ phần của ông Bùi Hữu D2 được hưởng thừa kế di sản của cụ Tr2 và di sản thừa kế của Cụ M1 do ông D2 là con của cụ Tr2 và Cụ M1.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, bị đơn ông Bùi Xuân H1 đã cung cấp thêm tài liệu mới là Bản trích lục bộ khai

sanh án thế vì khai sinh Tòa sơ thẩm Vĩnh Bình ngày 14/4/1972; số: 1305/NĐ, do Công an thị xã Trà Vinh trích y bản chính ngày 27/8/1985, có nội dung thể hiện ông Bùi Hữu Ng1 có cha là Bùi Hải H5 và mẹ là Lê Thị T1. Trong khi ông Bùi Hải H5 là một trong 10 người con của của cụ C và cụ Tr2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Xuân H1 cho rằng ông Bùi Hữu Ng1 là con ông Bùi Hải H5, ông H5 hiện nay đang sinh sống tại Hoa kỳ.

[6] Xét thấy, đây là tình tiết, vấn đề mới phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm cần phải xác minh, thu thập chứng cứ xác định đúng hàng thừa kế, thừa kế thế vị đối với di sản của cụ Tr2, Cụ M1 và cụ C để có căn cứ giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định pháp luật về thừa kế, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, thuộc trường hợp phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Xuân B, bị đơn bà Bùi Mỹ Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc A; chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Phương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân Tr1; hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Việc hủy bản án sơ thẩm như trên không phải do lỗi chủ quan của Tòa án cấp sơ thẩm.

[9] Đối với yêu cầu xem xét lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Tr2, Cụ M1 và cụ C, yêu cầu định giá lại tài sản thừa kế và các yêu cầu khác của các đương sự có liên quan đến vụ án sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết trong quá trình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[10.1] Các đương sự có kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên các đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm gồm ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Phương D và ông Bùi Xuân Tr1 được hoàn trả lại.

[10.2] Các đương sự có kháng cáo còn lại gồm ông Bùi Xuân Ph, bà Bùi Ngọc D1, ông Bùi Xuân B, bà Bùi Mỹ Ng, bà Bùi Ngọc A thuộc trường hợp

người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên đã được Tòa án cấp sơ thẩm miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn ông Bùi Xuân Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc D1.

2- Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Xuân B, bị đơn bà Bùi Mỹ Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc A; chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Phương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân Tr1.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông Bùi Xuân H1 không phải nộp; hoàn trả lại cho ông H1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0017032 ngày 30/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

+ Ông Bùi Xuân Tr1 không phải nộp; hoàn trả lại cho ông Tr1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Bùi Xuân H1 nộp thay) theo Biên lai thu số 0017033 ngày 30/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

+ Bà Bùi Phương D không phải nộp; hoàn trả lại cho bà D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do ông Bùi Xuân H1 nộp thay) theo Biên lai thu số 0017034 ngày 30/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 28 tháng 5 năm 2021./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đường sự;
- Lưu VP, HS, 26b, HQ.

Đỗ Đình Thanh